

PHƯƠNG PHÁP ĐỒNG HÓA TRONG DỊCH THÀNH NGỮ TIẾNG TRUNG QUỐC CÓ CHỮA “一” (YĪ) SANG TIẾNG VIỆT

Nguyễn Thị Nga¹

***Tóm tắt:** “一” (Yī) có nghĩa là “một” hoặc “số một”, được sử dụng rộng rãi trong ngôn ngữ và văn hóa của đất nước Trung Quốc. Thành ngữ chứa “一” (yī) không chỉ mang tính ngôn ngữ mà còn phản ánh triết lý, tâm trạng, và trải nghiệm của con người. Việc dịch thành ngữ tiếng Trung Quốc có chứa “一” (yī) sang tiếng Việt là một quá trình phức tạp, người dịch cần linh hoạt giữa phương pháp dịch đồng hóa và dị hóa, để giữ nguyên sắc thái văn hóa mà vẫn đảm bảo người đọc dễ tiếp nhận. Việc này không chỉ góp phần làm phong phú thêm kho tàng thành ngữ tiếng Việt mà còn thúc đẩy giao lưu văn hóa giữa hai dân tộc.*

***Từ khóa:** đồng hóa, dị hóa, thành ngữ, dịch tiếng Trung*

1. MỞ ĐẦU

Trong quá trình giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc, ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng trong việc truyền tải và tiếp nhận giá trị văn hóa của hai dân tộc. Thành ngữ là một trong những thành tố ngôn ngữ mang đậm màu sắc dân tộc, chứa đựng tư tưởng, lối sống, truyền thống và tri thức của một cộng đồng. Trong kho tàng thành ngữ tiếng Trung, những thành ngữ có chứa chữ “一” (yī) xuất hiện với tần suất cao, phản ánh phong phú các khía cạnh ngữ nghĩa như sự thống nhất, khởi đầu, toàn diện hay cá thể hóa.

Việc dịch thành ngữ tiếng Trung sang tiếng Việt, đặc biệt là những thành ngữ có chứa chữ “一”, không chỉ là việc chuyển nghĩa đơn thuần mà còn đòi hỏi người dịch phải có sự hiểu biết sâu sắc về văn hóa, tư duy và hoàn cảnh sử dụng của cả hai ngôn ngữ. Trong dịch thuật, hai phương pháp phổ biến thường được vận dụng là đồng hóa và dị hóa. Đồng hóa là phương pháp dịch theo hướng làm cho bản dịch gần gũi, dễ hiểu với độc giả ngôn ngữ đích, trong khi dị hóa lại chú trọng giữ lại bản sắc văn hóa ngôn ngữ nguồn.

1.1. Lý do chọn đề tài

Thành ngữ là đơn vị ngôn ngữ đặc biệt, chứa đựng đậm đặc bản sắc văn hóa dân tộc. Trong tiếng Trung, thành ngữ có chứa số từ “一” (yī) chiếm một số lượng lớn và có tần suất sử dụng cao.

¹ Trường ĐHSP Hà Nội 2

Mặc dù nghiên cứu về đề tài thành ngữ các con số không phải là một đề tài hoàn toàn mới, nhưng nghiên cứu về đề tài thành ngữ tiếng Trung Quốc chứa con số “一” (yī) ở Việt Nam, Trung Quốc vẫn chưa hoàn toàn đầy đủ, vẫn còn nhiều hạn chế.

Việc dịch loại thành ngữ này sang tiếng Việt gặp nhiều khó khăn do sự khác biệt về ngữ nghĩa, ngữ pháp và đặc biệt là bối cảnh văn hóa. Phương pháp đồng hóa, với ưu thế giúp bản dịch trở nên tự nhiên, dễ hiểu và gần gũi với người đọc bản ngữ, được kỳ vọng sẽ là chìa khóa để giải quyết những khó khăn trên.

Tuy nhiên, việc ứng dụng phương pháp này vào nhóm thành ngữ cụ thể có chứa “一” (yī) vẫn chưa được nghiên cứu một cách hệ thống. Do đó, đề tài “Phương pháp đồng hóa trong dịch thành ngữ tiếng Trung Quốc có chứa “一” (yī) sang tiếng Việt” được lựa chọn nhằm lấp đầy khoảng trống này.

1.2. Mục tiêu nghiên cứu

Bài viết nhằm mục tiêu:

Hệ thống hóa cơ sở lý thuyết về phương pháp đồng hóa trong dịch thuật.

Khảo sát, phân loại và phân tích các thành ngữ tiếng Trung có chứa “一” (yī) dựa trên đặc điểm ngữ nghĩa và cấu trúc.

Đề xuất và phân tích các phương pháp đồng hóa cụ thể (như tìm thành ngữ tương đương, vay mượn có chọn lọc, dịch dựa trên ý nghĩa...) trong việc chuyển dịch nhóm thành ngữ này sang tiếng Việt.

Đánh giá hiệu quả của từng phương pháp thông qua các ví dụ cụ thể.

1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng: Các phương pháp đồng hóa được sử dụng.

Phạm vi: Nghiên cứu tập trung vào 179 thành ngữ chứa “一” (yī) trong tiếng Trung Quốc, các câu biểu đạt tương đương trong tiếng Việt từ cuốn “Từ điển Thành ngữ Hán Việt” của NXB. Lao động, năm 2009 để làm ngữ liệu so sánh và phân tích ngữ nghĩa cũng như khía cạnh văn hóa giữa nguyên bản các thành ngữ tiếng Trung có chứa chữ “一” (yī) và bản dịch tiếng Việt.

1.4. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu sâu về các thành ngữ tiếng Trung có chứa chữ “一” (yī) và cách diễn đạt tương ứng trong tiếng Việt, bài viết này sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Thông qua việc tra cứu số lượng lớn tài liệu song ngữ Trung - Việt, từ điển, các bài báo khoa học và cơ sở dữ liệu thành ngữ, tiến hành hệ

thống hóa định nghĩa, đặc điểm và cách sử dụng của các thành ngữ tiếng Hán có chứa “—” (yī). Đồng thời thu thập các cách diễn đạt tương ứng trong tiếng Việt, tạo nền tảng lý thuyết cho việc phân tích đối chiếu sau này.

Phương pháp phân tích: Tiến hành phân loại và giải nghĩa các thành ngữ tiếng Trung có chứa “—” (yī) đã thu thập, phân tích đặc điểm cấu trúc, chức năng ngữ nghĩa và hàm ý văn hóa của chúng. Trên cơ sở đó, mô tả cụ thể các cách diễn đạt tương ứng trong tiếng Việt, chỉ ra mối quan hệ ngữ nghĩa, hình thức biểu đạt và ngữ cảnh sử dụng.

Phương pháp đối chiếu: Đối chiếu thành ngữ thành ngữ tiếng Trung có chứa “—” (yī) với cách diễn đạt tương ứng trong tiếng Việt, phân tích sự giống và khác nhau về mặt cấu trúc, ngữ nghĩa và bối cảnh văn hóa. Từ đó tìm hiểu các phương pháp dịch thuật như dị hóa hay đồng hóa được áp dụng trong quá trình dịch, cũng như những sai lệch dịch thuật hay khoảng trống văn hóa có thể tồn tại.

Phương pháp quy nạp tổng kết: Thông qua phân tích và đối chiếu nhiều ví dụ cụ thể, rút ra những mô hình dịch thuật phổ biến và quy luật thường gặp khi chuyển ngữ thành ngữ tiếng Trung có chứa “—” (yī) sang tiếng Việt. Đồng thời, đề xuất các phương pháp dịch thuật và kiến nghị giảng dạy có tính tham khảo.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. cơ sở lý luận

2.1.1. Khái niệm thành ngữ

Thành ngữ là: “Tập hợp từ cố định đã quen dùng mà nghĩa thường không thể giải thích được một cách đơn giản bằng nghĩa của các từ tạo nên nó” (“Từ điển tiếng Việt” (2003)), “Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh” [1], “Thành ngữ là một phần câu có sẵn, nó là một bộ phận của câu mà nhiều người đã quen dùng nhưng tự riêng nó không diễn được một ý trọn vẹn” [3].

Từ đó có thể thấy rằng, thành ngữ là một nhóm từ có cấu trúc cố định, ngắn gọn và rõ ràng. Mặc dù thành ngữ biểu đạt một ý nghĩa hoàn chỉnh, nhưng chúng vẫn chỉ là một cụm từ, chứ không phải là một câu hoàn chỉnh.

2.1.2. Số từ

“Số từ là những từ chỉ số lượng (số lượng xác định hoặc biểu trưng) và thứ tự của sự vật. Khi biểu thị số lượng sự vật, số từ thường đứng trước danh từ. Khi biểu thị thứ tự, số từ đứng sau danh từ. Như vậy số từ ở đây được chia làm hai tiểu loại: Số từ chỉ số lượng và số từ chỉ thứ tự” [7].

Chữ số Ả Rập là hệ thống chữ số được sử dụng rộng rãi nhất trên toàn thế giới. Nó được áp dụng phổ biến trong nhiều ngôn ngữ và nền văn hóa khác nhau, bao gồm các chữ số từ 0 đến 9, dùng để biểu thị các giá trị số khác nhau. Hệ thống này, nhờ đặc điểm đơn giản, rõ ràng và dễ tính toán, đã trở thành cách biểu diễn số phổ biến nhất trong xã hội hiện đại.

Trong tiếng Trung, các con số có thể được viết bằng chữ Hán. Các chữ số từ một đến mười lần lượt biểu thị các số từ 1 đến 10. Những bội số lớn hơn được biểu thị bằng các ký tự khác. Ví dụ: 一 (yī) – một, 二 (èr) – hai, 三 (sān) – ba, 四 (sì) – bốn, 五 (wǔ) – năm, 六 (liù) – sáu, 七 (qī) – bảy, 八 (bā) – tám, 九 (jiǔ) – chín, 十 (shí) – mười, 百 (bǎi) – trăm, 千 (qiān) – nghìn, 万 (wàn) – vạn...

Trong tiếng Việt, các con số có thể được viết bằng chữ hoặc bằng chữ số La-tinh, viết bằng chữ: Một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, mười một, mười hai..., viết bằng chữ số: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12...

2.1.3. Đồng hóa và dị hóa

2.1.3.1. Đồng hóa

Năm 1995, Lawrence Venuti chính thức đưa ra các khái niệm “đồng hóa” và “dị hóa” trong tác phẩm “The Invisibility of the translator: A history of translation”. Theo Lawrence Venuti, phương pháp đồng hóa (thuần hóa), là làm cho văn bản gốc phù hợp với các giá trị văn hóa của ngôn ngữ đích [4].

Nói cách khác, dịch đồng hóa là phương pháp chọn lọc để giúp độc giả văn bản đích không cảm nhận được sự lạ lẫm của văn bản nguồn.

Phương pháp dịch này đặt người đọc vào đúng vị trí độc giả, gán các yếu tố văn hóa nước ngoài vào nền văn hóa dân tộc của mình, làm cho ngôn ngữ gốc phù hợp hơn với thói quen ngôn ngữ và các giá trị văn hóa của ngôn ngữ đích, giúp người đọc ngôn ngữ đích dễ dàng chấp nhận và đánh giá đầy đủ hơn những ý tưởng mà tác giả muốn truyền tải.

Venuti mượn thuật ngữ này để chỉ một phương pháp dịch thuật trong đó người dịch chủ động “dẫn dắt tác giả đến với độc giả”, tức là điều chỉnh văn bản nguồn sao cho nó trở nên thân quen, dễ đọc và dễ chấp nhận đối với nền văn hóa đích.

Đặc điểm của phương pháp dịch đồng hóa:

Tính minh bạch (Transparency): Bản dịch được viết một cách trôi chảy, tự nhiên trong ngôn ngữ đích, khiến độc giả có cảm giác họ đang đọc một văn bản gốc chứ không phải là bản dịch.

Giảm thiểu tính ngoại lai (Reduction of Foreignness): Các yếu tố văn hóa đặc thù của văn bản nguồn (như tục lệ, điển tích, ẩn dụ khó hiểu) được thay thế bằng các yếu tố tương đương, quen thuộc trong văn hóa đích.

Lấy độc giả làm trung tâm (Reader-oriented): Ưu tiên hàng đầu là trải nghiệm và sự tiếp nhận dễ dàng của độc giả văn hóa đích.

Ví dụ: Khi dịch “bánh chưng” sang tiếng Anh, thay vì giữ nguyên “banh chung”, người dịch theo xu hướng Đồng hóa có thể diễn giải là “Vietnamese traditional sticky rice cake” (bánh gạo nếp truyền thống Việt Nam) để người đọc phương Tây dễ hình dung.

Bởi vậy, đồng hóa đưa tác phẩm gốc đến gần hơn với độc giả của ngôn ngữ đích, để người tiếp nhận thông tin ngôn ngữ đích đồng cảm với người tiếp nhận thông tin ngôn ngữ gốc. Ngoài ra, phương pháp này còn góp phần tránh được những trở ngại trong quá trình giao lưu văn hóa.

2.1.3.2. Dị hóa

Dị hóa lần đầu tiên xuất hiện trong cuốn sách “Về các phương pháp dịch thuật khác nhau” (1813) của học giả nổi tiếng người Đức Schleiermacher. Sau đó, trong tác phẩm “The Invisibility of the translator: A history of translation” (1995), Lawrence Venuti chỉ ra rằng dị hóa có nghĩa là đi chệch khỏi các giá trị chủ đạo của quốc gia mình trong khi vẫn giữ lại những khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa của văn bản gốc [4].

Đặc điểm của phương pháp dị hóa:

Giữ nguyên tính ngoại lai (Retention of Foreignness): Bảo tồn các tên riêng, điển tích, cấu trúc cú pháp và hình ảnh văn hóa đặc thù của văn bản nguồn.

Phá vỡ sự trôi chảy (Disruption of Fluency): Bản dịch có thể cảm thấy có phần “lạ tai”, “khó hiểu”, buộc độc giả phải dừng lại suy ngẫm về văn hóa gốc.

Lấy văn bản gốc làm trung tâm (Source-text oriented): Trung thành với văn bản gốc được đặt lên hàng đầu, coi trọng việc truyền tải nguyên vẹn thông điệp và sắc thái văn hóa.

Ví dụ: Dịch “bánh chưng” giữ nguyên là “banh chung” và thêm chú thích, hoặc dịch “áo dài” là “ao dai” thay vì “Vietnamese long dress”. Điều này bảo tồn được tên gọi gốc và buộc độc giả nước ngoài phải tiếp nhận một khái niệm mới.

Như vậy, dị hóa gần với tác phẩm gốc, bản dịch tái hiện lại tư tưởng của tác giả, giữ nguyên hình thức ngôn ngữ, phong cách viết, truyền tải chính xác hàm ý văn hóa của văn bản gốc và các giá trị mà tác giả bản gốc truyền tải, để giúp người đọc bản dịch hiểu văn hóa nước ngoài một cách chân thực hơn. Phương pháp này khiến người đọc cảm nhận, thấy được sự góp mặt của người dịch trong bản dịch, đồng thời bảo vệ và nhấn mạnh tính ngoại lai của văn bản nguồn. Phương pháp dịch này cũng tạo ra hiệu quả giúp độc giả của vùng ngôn ngữ đích trải nghiệm việc đọc, tiếp nhận những yếu tố xa lạ.

Dị hóa có thể làm phong phú thêm khả năng biểu đạt của ngôn ngữ đích, thúc đẩy sự đa dạng văn hóa, kích thích sự giao lưu và tiếp xúc giữa các nền văn hóa khác nhau, có lợi cho việc học hỏi lẫn nhau, trân trọng các nền văn hóa dân tộc khác nhau và sự tồn tại của các nền văn minh đa dạng.

2.1.3.3. Sự đối lập và bổ trợ giữa đồng hóa và dị hóa

Venuti xem đồng hóa là một kiểu “bạo lực văn hóa” (cultural violence) vì nó xóa nhòa bản sắc của văn hóa nguồn, trong khi dị hóa là một cách chống lại chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi trong dịch thuật. Tuy nhiên, trên thực tế, hai phương pháp này không hoàn toàn đối lập mà thường xuyên bổ sung cho nhau. Không có bản dịch nào thuần túy đồng hóa hay thuần túy dị hóa. Mức độ áp dụng mỗi phương pháp phụ thuộc vào:

Mục đích của bản dịch: Dịch để phổ cập kiến thức hay phục vụ nghiên cứu?

Đối tượng độc giả: Độc giả phổ thông hay độc giả chuyên ngành?

Thể loại văn bản: Văn học, khoa học, hay như trong trường hợp này là thành ngữ?

Bối cảnh lịch sử – văn hóa: Mối quan hệ và mức độ hiểu biết lẫn nhau giữa hai nền văn hóa.

2.1.4. Chức năng ngữ nghĩa của số một

2.1.4.1. Số một trong tiếng Việt

Trong từ điển tiếng Việt, số một được định nghĩa: Khi loại từ là danh từ: 1 Số đầu tiên trong dãy số tự nhiên. *Một trăm lẻ một. Canh một. Tầng một. Vấn đề cấp thiết số một* (cấp thiết hơn tất cả). 2 (kng.). *Tháng mười một âm lịch* (nói tắt). *Tháng một.* (Tiết trời) *một chạp.* 3 Từ biểu thị tính chất lần lượt của từng đơn vị giống nhau nối tiếp nhau. *Ghi tên từng người một. Bắn hai phát một. Ăn ít một.* (Nói) *giống một.* 4 (dùng làm vị ngữ). Từ biểu thị tính chất toàn khối không thể chia cắt, hoặc tính chất thống nhất, nhất trí như một khối. *Nước Việt Nam là một. Triệu người như một. Trước sau như một,* 5 (dùng trước một số d.). Từ biểu thị tính chất nguyên toàn khối, không sót một thành phần nào; cả. *Một nhà sum họp. Một đời phân đấu, hi sinh.*

Khi loại từ là tính từ, một (dùng phụ sau d. trong một vài tổ hợp). *Độc nhất* (chứ không phải là có nhiều). *Con một.* 2 (dùng phụ sau d. trong một vài tổ hợp). Dùng cho một người (chứ không phải cho hai người). *Giường một. Màn một.*

2.1.4.2. “一” (yī) trong tiếng Trung

“一” (yī) là một số từ có tần suất sử dụng rất cao trong tiếng Trung. Nó không chỉ biểu thị giá trị số học “1”, mà còn mang nhiều chức năng ngữ nghĩa và ngữ pháp phong phú. Trong thành ngữ, “一” vừa có thể biểu thị số lượng cụ thể, lại thường mang ý nghĩa trừu tượng, tu từ, hoặc cảm xúc.

Theo Từ điển tiếng Hán hiện đại (2012), các chức năng ngữ nghĩa thường gặp của “—” bao gồm:

- (1).Biểu thị số thực, tức là số nguyên dương nhỏ nhất.
- (2).Biểu thị sự đồng nhất (cùng một).
- (3).Biểu thị một cái khác, một thứ khác.
- (4).Biểu thị toàn bộ, toàn thể.
- (5).Biểu thị sự chuyên nhất, duy nhất.
- (6).Biểu thị hành động xảy ra một lần, hành động ngăn ngừa, hoặc hành động mang tính thử.
- (7).Đặt trước động từ hoặc lượng từ, biểu thị thực hiện một hành động trước (sau đó mới nói đến kết quả hành động).
- (8).Khi kết hợp với “就” (jiù) , biểu thị hai hành động xảy ra liền kề, nối tiếp nhau.
- (9).Biểu thị ý nghĩa “một khi”, “một khi đã...”.
- (10).Đặt trước một số từ để tăng cường ngữ khí.

2.2. Phương pháp đồng hóa trong dịch thành ngữ tiếng trung quốc có chứa “—” (yī) sang tiếng Việt

Việc chuyên dịch thành ngữ từ tiếng Trung Quốc sang tiếng Việt là một quá trình thú vị, đòi hỏi sự linh hoạt và sáng tạo trong việc lựa chọn từ ngữ phù hợp nhằm bảo toàn ý nghĩa cũng như cảm nhận văn hóa của cả hai ngôn ngữ. Trong quá trình này, người dịch không chỉ cần dịch câu, từ, ngữ mà còn cần hiểu sâu về ngữ cảnh và ý nghĩa sâu xa của các thành ngữ.

Các thành ngữ tiếng Trung Quốc thường chứa đựng những giá trị văn hóa sâu sắc, thể hiện thông qua học thức lịch sử và triết học của người Trung Quốc. Khi dịch sang tiếng Việt, điều quan trọng là giữ lại tinh thần và ý nghĩa của thành ngữ đó mà không mất đi sự hấp dẫn hay sức mạnh của nó.

Trong quá trình dịch, dịch giả có thể vận dụng linh hoạt nhiều phương thức đồng hóa khác nhau nhằm chuyển tải ý nghĩa của thành ngữ gốc sang tiếng Việt một cách tự nhiên và dễ hiểu nhất. Có thể quy các phương thức này về các nhóm chính sau: (1) Sử dụng thành ngữ/tục ngữ tương đương trong tiếng Việt; (2) Sử dụng từ ngữ, hình ảnh mang đậm chất Việt; (3) Diễn giải ý nghĩa; (4) Kết hợp giữa âm Hán Việt và giải thích.

2.2.1. Đồng hóa bằng cách sử dụng thành ngữ/tục ngữ tương đương trong tiếng Việt

Đây là phương pháp đồng hóa ở cấp độ cao nhất, khi dịch giả tìm được một thành ngữ hoặc tục ngữ tiếng Việt có sẵn, tương đồng cả về hình ảnh lẫn ý nghĩa với thành ngữ gốc tiếng Trung. Cách dịch này tạo ra hiệu quả tức thì, giúp người đọc Việt Nam cảm nhận bản dịch như một phần tự nhiên trong kho tàng văn hóa dân gian của mình.

Khi ý nghĩa biểu đạt của thành ngữ Trung và thành ngữ Việt gần như tương đương — cùng thể hiện một trạng thái, phẩm chất, tình huống hoặc triết lý sống. Mục tiêu là giúp người đọc Việt hiểu ngay lập tức mà không cần giải thích thêm.

Ví dụ 1: Thành ngữ “一箭双雕” (Yī jiàn shuāng diāo – Nhất tiễn song điêu), hay “一举两得” (Yī jǔ liǎng dé) được dịch ngắn gọn và chính xác thành “Một mũi tên trúng hai đích” hoặc “Một công đôi việc”. Cả hai cách dịch này đều là những cụm từ quen thuộc trong tiếng Việt, diễn tả chính xác ý nghĩa “làm một việc mà đạt được hai mục đích” của thành ngữ gốc. Tương tự, “一举两得” (Yī jǔ liǎng dé - Nhất cử lưỡng đắc) cũng được dịch là “Làm một việc đạt được hai mục đích, một công đôi việc”.

Ví dụ 2: Thành ngữ “孤注一掷” (Gū zhù yī zhì – Cô chú nhất trịch) vốn có xuất xứ từ cờ bạc, ám chỉ việc dồn hết vốn liếng vào một canh bạc cuối. Bản dịch “Được ăn cả ngã về không” đã sử dụng một thành ngữ Việt Nam rất phổ biến, cũng xuất phát từ thế giới may rủi, để diễn đạt một cách sinh động và chính xác ý nghĩa liêu lĩnh này. Đây là một sự thay thế hoàn hảo về mặt văn hóa.

Ví dụ 3: Thành ngữ “百闻不如一见” (Bǎi wén bù rú yī jiàn - Bách văn bất như nhất kiến) được dịch thành “Trăm nghe không bằng một thấy”. Bản dịch này không chỉ giữ được cấu trúc so sánh “bách... nhất...” (trăm... một...) mà còn sử dụng từ thuần Việt “nghe”, “thấy” một cách tự nhiên, trùng khớp với thành ngữ gốc cả về hình thức lẫn nội dung.

Ví dụ 4: Thành ngữ “吃一堑，长一智” (Chī yī qiàn, zhǎng yī zhì - Ngật nhất khiếm, trưởng nhất trí) được dịch bằng hai lựa chọn: “Một lần vấp là một lần bớt dại” và “Đi một ngày đàng học một sàng khôn”. Cả hai đều là những tục ngữ, cách ngôn kinh điển của Việt Nam, diễn tả triết lý “học từ sai lầm, trải nghiệm giúp ta trưởng thành”. Cách dịch này đã đồng hóa hoàn toàn triết lý sống của người Trung Quốc thành kinh nghiệm sống quen thuộc của người Việt.

Dịch tương đương về hình thức thành ngữ nhưng vẫn bảo đảm được hình thức thành ngữ tương đương trong tiếng Việt.

Ví dụ 5: 不可一世 (Bù kě yí shì – Bất khả nhất thế): Coi trời bằng vung.

Ví dụ 6: 一窍不通 (Yī qiào bù tōng – Nhất khiêu bất thông): Nghĩa là không một lỗ/khe nào hở ra. Dùng thành ngữ tiếng Việt tương đương về ý nghĩa: Dốt đặc cán mai.

Ví dụ 7: 百闻不如一见 (Bǎi wén bù rú yī jiàn – Bách văn bất như nhất kiến): Trăm nghe không bằng một thấy.

Ví dụ 8: 一心一意 (Yī xīn yī yì - Nhất tâm nhất ý): Một lòng một dạ.

Như vậy, chúng ta có thể tìm thành ngữ có ý nghĩa tương ứng trong ngôn ngữ khác để chuyển đổi và dịch chúng nhằm đạt được sự tương đương về mặt ngữ nghĩa. Mặc dù tiếng Trung và tiếng Việt thuộc các ngữ hệ khác nhau và phong tục văn hóa và thói quen ngôn ngữ của người Trung Quốc và người Việt Nam khác nhau, nhưng nền văn minh nhân loại có điểm chung và có nhận thức và cảm xúc tương tự đối với một số vật thể và hiện tượng nhất định trong thế giới khách quan.

Phương pháp đồng hóa bằng cách sử dụng thành ngữ/tục ngữ tương đương trong tiếng Việt này cho thấy sự tương đồng trong tư duy và kinh nghiệm sống giữa hai dân tộc, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công tác dịch thuật.

2.2.2. Đồng hóa bằng cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh mang đậm chất Việt

Trong nhiều trường hợp, không tồn tại một thành ngữ tương đương hoàn toàn, dịch giả chuyển sang sử dụng các từ ngữ, cụm từ, hoặc hình ảnh ẩn dụ đặc trưng của đời sống và văn hóa Việt Nam để diễn đạt ý nghĩa. Cách làm này giúp bản dịch trở nên gần gũi, dễ hình dung, mặc dù có thể không giữ được hình ảnh nguyên bản.

Ví dụ 1: “一毛不拔” (Yī máo bù bá – Nhất mao bất bạt) – nghĩa đen là “một sợi lông cũng không chịu nhổ”. Bản dịch không chỉ dừng lại ở việc giải thích nghĩa gốc mà còn sử dụng những từ ngữ rất đắt, rất Việt Nam để miêu tả tính cách này: “Ki bo kiệt sĩ”, “Vắt cổ chày ra nước”. “Cổ chày” là một hình ảnh dân dã, việc “vắt cổ chày ra nước” là một hình ảnh cường điệu hóa sự bủn xỉn, tạo ấn tượng mạnh mẽ với người đọc Việt.

Ví dụ 2: “一无所有” (Yī wú suǒ yǒu – Nhất vô sở hữu) được dịch là “Hai bàn tay trắng”. Thay vì diễn giải khái niệm “không có gì” một cách trừu tượng, dịch giả đã sử dụng một hình ảnh giản dị, quen thuộc và đầy tính biểu cảm trong tiếng Việt để diễn tả sự trắng tay, nghèo khó.

Ví dụ 3: “漆黑一团” (Qī hēi yī tuán – Tất hắc nhất đoàn) được dịch bằng một loạt các cụm từ miêu tả sự tối tăm rất sinh động của tiếng Việt: “Tối om om”, “Tối như hũ nút”, “Tối đen như mực”. Những cách nói này sử dụng các từ láy (“om om”) và các so sánh cụ thể (“hũ nút”, “mực”) rất gần gũi với lối nói dân gian Việt Nam.

Ví dụ 4: “一手遮天” (Yī shǒu zhē tiān – Nhất thủ giã thiên) được dịch bằng nhiều cách: “Một tay che cả bầu trời”, “Vải thưa che mắt thánh”, “Lấy thúng úp voi”. Các bản

dịch này đều sử dụng những hình ảnh ẩn dụ đặc trưng của văn hóa Việt (“vải thưa”, “thúng”, “voi”) để diễn tả ý “lừa dối, bung bít sự thật”, tạo nên sự phong phú và dễ dàng liên tưởng cho người đọc.

Do hệ thống ngôn ngữ khác nhau, một số tu từ, từ ngữ và ngữ pháp tiếng Trung Quốc có thể không phù hợp với văn phong, diễn đạt của Việt Nam, sau khi được chuyển dịch trực tiếp sang tiếng Việt, thậm chí có thể dẫn đến khó hiểu hoặc hiểu lầm. Bởi vậy, người dịch còn có thể dùng lối nói quen thuộc, tên tác phẩm ... trong tiếng Việt để dịch tương đương.

Ví dụ 5: “不识一丁” (Bù shí yì dīng - Bất thức nhất đĩnh): Thành ngữ này trong tiếng Trung Quốc để hình dung sự mù chữ, ngay cả chữ “丁” (dīng – đĩnh) cũng không biết. Tuy nhiên, khi dịch sang tiếng Việt nếu nói chữ “丁” (dīng – đĩnh) sẽ gây khó hiểu, nên cách dịch dễ hiểu nhất chính là “một chữ bẻ đôi cũng không biết”.

Ví dụ 6: “南柯一梦” (Nán kē yī mèng - Nam Kha nhất mộng): Giác mộng Nam Kha (Dựa theo tích: Chàng trai họ Thuần nằm ngủ dưới gốc cây hoè, mơ thấy mình được lấy công chúa và được bổ làm thái thú ở quận Nam Kha, mừng quá bưng tỉnh dậy thì mới biết đó chỉ là giấc mơ). Nếu chỉ dịch là giác mộng Nam Kha thì độc giả/thính giả Việt Nam sẽ không thể hiểu được ý nghĩa là gì. Vì vậy, câu thành ngữ này nên dịch là mơ mộng hão huyền.

Ví dụ 7: “风靡一时” (Fēng mǐ yī shí - Phong mĩ nhất thời), “盛极一时” (Shèng jí yī shí - Thịnh cực nhất thời): Nghĩa là phổ biến, thịnh hành, xuất chúng một thời. Nhưng người dịch có thể dịch thành “vang bóng một thời” theo tên tập truyện ngắn và tùy bút của nhà văn Nguyễn Tuân, xuất bản năm 1940.

2.2.3. Đồng hóa bằng cách dịch ý đơn thuần, diễn giải ý nghĩa

Dịch ý tập trung vào việc truyền tải trung thực thông tin của văn bản gốc. Nói cách khác, dịch ý là phương pháp dịch giữ nguyên nội dung và thay đổi hình thức diễn đạt của văn bản gốc.

Ví dụ 1: “不可一世” (Bú kè yī shì – Bất khả nhất thế): Tự cho rằng trên đời không ai bằng mình, không coi ai ra gì.

Ví dụ 2: “百尺竿头，更进一步” (Bǎi chǐ gān tóu, gēng jìn yī bù – Bách xích can đầu, cánh tiến nhất bộ): Tài cao còn gắng sức hơn; đã giỏi còn cố giỏi hơn nữa; đạt đến một trình độ nào đó rồi mà vẫn tiếp tục học lên nữa.

Ví dụ 3: “背水一战” (Bèi shuǐ yī zhàn – Bối thủy nhất chiến): Trận huyết chiến; trận quyết chiến; trận tử chiến; trận sông má (lưng tựa vào sông đánh trận; ý nói không có chỗ thoái lui).

Ví dụ 4: “毕其功于一役” (Bì qí gōng yú yī yì – Tất kỳ công vu nhất dịch): Giải quyết dứt điểm.

Đối với những thành ngữ chứa đựng khái niệm văn hóa, triết lý hoặc điển tích phức tạp mà không dễ tìm được cách diễn đạt tương đương trong tiếng Việt, dịch giả thường lựa chọn phương án diễn giải ý nghĩa một cách rõ ràng, trực tiếp. Phương pháp này ưu tiên tính chính xác và dễ hiểu, hy sinh tính cô đọng và hình tượng của thành ngữ gốc.

Ví dụ 5: “三位一体” (Sān wèi yī tǐ – Tam vị nhất thể) là một khái niệm thần học phức tạp. Thay vì cố dịch sát, bản dịch đã cung cấp một lời giải thích rõ ràng, kèm ví dụ: “Một thể gồm ba ngôi tạo thành. Ví dụ: Trời, Đất và Con người hoặc Cha, Con và Thần Thánh...”. Cách làm này đảm bảo người đọc hiểu đúng bản chất của khái niệm.

Ví dụ 6: “不拘一格” (Bù jū yī gé – Bất câu nhất cách) được dịch thành “Không bị hạn chế bởi một quy cách nào”. Bản dịch này đã phá vỡ cấu trúc 4 chữ để diễn đạt thành một cụm từ rõ ràng, dễ hiểu, phù hợp với ngữ pháp tiếng Việt.

Ví dụ 7: “焕然一新” (Huàn rán yī xīn – Hoán nhiên nhất tâm) được diễn giải thành “Diện mạo hoàn toàn mới, bộ mặt đổi mới hoàn toàn”. Cách dịch này làm rõ ý nghĩa “sự thay đổi toàn diện theo hướng tích cực” mà thành ngữ gốc muốn thể hiện.

Ví dụ 8: “不敢越雷池一步” (Bù gǎn yuè léi chí yī bù - Bất cảm việc lôi trì nhất bộ) vốn gắn với một điển tích lịch sử cụ thể về địa danh “Lôi Trì”. Thay vì giữ lại điển tích này (có thể gây khó hiểu), dịch giả đã trực tiếp diễn giải ý nghĩa hàm ẩn: “Không dám vượt qua giới hạn nào đó”. Đây là một sự đồng hóa triệt để, loại bỏ yếu tố văn hóa đặc thù để giữ lại ý nghĩa cốt lõi.

2.2.4. Đồng hóa bằng cách giữ nguyên âm Hán Việt kết hợp với giải thích

Một phương pháp rất phổ biến và hiệu quả trong việc dịch thành ngữ tiếng Trung sang tiếng Việt là kết hợp giữa việc cung cấp âm Hán Việt và kèm theo lời giải thích ý nghĩa. Bản thân âm Hán Việt đã là một dạng đồng hóa, vì nó chuyển âm đọc tiếng Trung thành một hệ thống âm đọc đã được Việt hóa từ lâu đời, tạo cảm giác thân thuộc. Việc kết hợp với giải thích giúp bù đắp những khiếm khuyết về nghĩa mà âm Hán Việt đơn thuần không thể chuyển tải hết.

Chính cấu trúc thành ngữ gốc -> Âm Hán Việt -> Dịch nghĩa là một minh chứng rõ ràng cho phương pháp này. Hầu hết 179 mục từ đều được trình bày theo cấu trúc này.

Ví dụ 1: “背水一战” (Bèi shuǐ yī zhàn) được trình bày như sau:

Âm Hán Việt: Bối thủy nhất chiến

Dịch nghĩa: “Trận tử chiến, trận quyết chiến”

Cách làm này giúp người đọc vừa biết được cách đọc thuần Việt của thành ngữ, vừa hiểu được ngay ý nghĩa khái quát của nó.

Ví dụ 2: “独树一帜” (Dú shù yī zhì)

Âm Hán Việt: Độc thụ nhất xí

Dịch nghĩa: “Tạo ra một phong cách độc đáo hoặc mở ra một cục diện mới”

Âm Hán Việt giữ lại tính trang trọng, cổ kính, trong khi phần giải thích làm rõ ý nghĩa thực tế trong cuộc sống.

Ví dụ 3: “一丘之貉” (Yī qiū zhī háo)

Âm Hán Việt: Nhất khuu chi hạc

Dịch nghĩa: “Đều xấu như nhau, cùng một giuộc”

Phần giải thích đã Việt hóa hoàn toàn ý nghĩa, giúp người đọc dễ dàng nắm bắt và sử dụng.

Phương pháp kết hợp này tỏ ra đặc biệt hữu hiệu trong môi trường giáo dục và tra cứu, vì nó đáp ứng được cả nhu cầu về kiến thức lẫn nhu cầu sử dụng thực tế.

Thông qua việc phân tích 179 đơn vị thành ngữ, có thể thấy phương pháp đồng hóa trong dịch thuật thành ngữ tiếng Trung chứa “一” (yī) sang tiếng Việt được thực hiện một cách linh hoạt và đa dạng. Từ việc sử dụng trực tiếp các thành ngữ, tục ngữ tương đương cho đến việc vận dụng sáng tạo các hình ảnh, từ ngữ thuần Việt, hay diễn giải ý nghĩa một cách rõ ràng, các dịch giả luôn hướng tới mục tiêu tối thượng là làm cho bản dịch trở nên tự nhiên, dễ hiểu và gần gũi với người tiếp nhận Việt Nam. Cấu trúc Âm Hán Việt – Giải thích nghĩa được sử dụng phổ biến cho thấy một giải pháp cân bằng, vừa giữ được hồn cốt của ngôn ngữ gốc, vừa đảm bảo tính minh bạch về nghĩa. Sự thành công của các bản dịch này là minh chứng cho sự am hiểu sâu sắc cả hai nền ngôn ngữ và văn hóa của các dịch giả.

2.3. Đánh giá hiệu quả và hạn chế của phương pháp đồng hóa

2.3.1. Hiệu quả của phương pháp đồng hóa

Phương pháp đồng hóa, với triết lý lấy người tiếp nhận làm trung tâm, đã chứng tỏ được những ưu điểm vượt trội trong việc chuyển tải thành ngữ chứa “一” (yī) trong tiếng Trung sang tiếng Việt, thể hiện qua các khía cạnh sau:

Tạo tính tự nhiên, trôi chảy và dễ hiểu cho bản dịch: Đây là hiệu quả quan trọng nhất. Bằng cách sử dụng các thành ngữ tương đương (như “Một mũi tên trúng hai đích”), các cụm từ thuần Việt (như “Hai bàn tay trắng”), hoặc lối diễn giải rõ ràng (như “Không bị hạn chế bởi một quy cách nào”), bản dịch đã xóa bỏ rào cản ngôn ngữ và văn hóa, giúp

người đọc Việt Nam tiếp cận ý nghĩa của thành ngữ gốc một cách nhanh chóng và trực tiếp nhất. Người đọc không có cảm giác họ đang đọc một sản phẩm “nhập ngoại”, mà thay vào đó là một cách diễn đạt quen thuộc trong chính ngôn ngữ mẹ đẻ.

Tăng tính thẩm mỹ và sức hấp dẫn của văn bản: Khi một thành ngữ tiếng Trung phức tạp được chuyển thể thành một thành ngữ tiếng Việt giàu hình ảnh và nhạc điệu, giá trị nghệ thuật của nó không những không mất đi mà còn được tái sinh trong một hình hài mới. Ví dụ, việc dịch “孤注一擲” (Cô chú nhất trịch) thành “Được ăn cả ngã về không” đã biến một thuật ngữ từ cờ bạc thành một câu nói dân gian vừa vắn vè, vừa kịch tính. Tương tự, “Coi trời bằng vung” (dịch cho “目空一切” Mù kōng yī qiè - Mục không nhất thiết) là một hình ảnh so sánh vừa hài hước vừa sắc sảo, mang đậm chất tu từ của tiếng Việt.

Đảm bảo tối đa mục đích giao tiếp: Phần lớn các thành ngữ được dịch trong tư liệu này nhằm mục đích giảng dạy, tra cứu và phổ biến kiến thức. Ở mục đích này, việc truyền đạt thông điệp một cách chính xác và dễ hiểu là ưu tiên hàng đầu. Phương pháp đồng hóa, đặc biệt là thông qua diễn giải, đã đáp ứng xuất sắc yêu cầu này. Người đọc có thể nắm bắt ngay cách sử dụng và ý nghĩa thực tế của thành ngữ mà không cần phải mất công tìm hiểu những điển tích phức tạp đằng sau nó.

Phát huy và làm giàu thêm sự phong phú của tiếng Việt: Quá trình đồng hóa không đơn thuần là sự thay thế máy móc, mà là một quá trình sáng tạo. Việc tìm kiếm các cách diễn đạt tương đương trong tiếng Việt cho thấy sự uyển chuyển và khả năng biểu đạt phong phú của tiếng Việt. Hơn nữa, những cách dịch đồng hóa thành công sẽ dần dần được cộng đồng chấp nhận và sử dụng rộng rãi, góp phần vào sự phát triển không ngừng của vốn từ vựng và cách diễn đạt trong tiếng Việt.

2.3.2. Hạn chế của phương pháp đồng hóa

Bên cạnh những hiệu quả không thể phủ nhận, việc áp dụng triệt để phương pháp đồng hóa cũng dẫn đến một số hạn chế và mất mát nhất định:

Làm mờ nhạt hoặc mất đi sắc thái văn hóa nguyên bản: Đây là hạn chế lớn nhất. Nhiều thành ngữ tiếng Trung chứa “一” (yī) được rút ra từ các điển tích, sử sách hoặc văn học cổ điển. Khi một điển tích bị lược bỏ (như trường hợp “不敢越雷池一步” (Bù gǎn yuè léi chí yī bù - Bất cảm việ Lôi Trì nhất bộ) hoặc một hình ảnh ẩn dụ đặc trưng bị thay thế (như “一丘之貉” – yī qiū zhī háo – Nhất khu chi hạc được đơn giản hóa thành “cùng một giuộc”), người đọc Việt Nam sẽ không còn cơ hội được tiếp xúc với những câu chuyện, những lớp nghĩa văn hóa sâu xa ẩn chứa trong thành ngữ gốc.

Đôi khi dẫn đến sự thiếu chính xác hoặc hiểu lầm: Không phải lúc nào cũng tồn tại một thành ngữ tương đương hoàn hảo. Việc cố gắng “ép” một thành ngữ gốc vào một khuôn mẫu có sẵn trong tiếng Việt đôi khi có thể làm lệch nghĩa. Ví dụ, “一团和气” (Yī tuán hé qì – Nhất đoàn hòa khí) trong tiếng Trung hiện đại thường mang nghĩa có phần tiêu cực, chỉ sự hòa hợp giả tạo, tránh va chạm nhưng thiếu đi nguyên tắc. Tuy nhiên, cách dịch “Chín bỏ làm mười” trong tiếng Việt lại thường được hiểu theo nghĩa tích cực nhiều hơn, là sự bao dung, rộng lượng. Sự chênh lệch này có thể dẫn đến hiểu lầm về sắc thái biểu cảm.

Làm giảm tính đa dạng và khác biệt văn hóa: Nếu mọi yếu tố “lạ” đều bị loại bỏ hoặc thay thế bằng những thứ quen thuộc, người đọc sẽ mất đi cơ hội được trải nghiệm và mở rộng hiểu biết về một nền văn hóa khác. Một bản dịch được đồng hóa quá mức có thể vô tình tạo ra một thế giới phẳng, nơi mọi khác biệt đều bị xóa nhòa, và tiếng nói của “người khác” bị lấn át bởi tiếng nói của “chúng ta”.

Không phù hợp trong một số ngữ cảnh đặc thù: Đối với các công trình nghiên cứu văn hóa, nhân văn, hoặc các văn bản cần giới thiệu một cách trung thành và đầy đủ về tinh thần nguyên bản, phương pháp đồng hóa có thể không phải là lựa chọn tối ưu. Trong những trường hợp này, việc giữ lại một phần tính “ngoại lai” (dị hóa) là cần thiết để đảm bảo tính học thuật và sự trung thực với văn bản gốc. Sự đánh đổi này khiến cho bản dịch trở nên “an toàn” nhưng cũng “nghèo nàn” hơn về mặt thông tin văn hóa.

Sự cần thiết phải kết hợp hài hòa giữa đồng hóa và dị hóa

Thành ngữ “一鼓作气” (yī gǔ zuò qì – Nhất cổ tác khí).

Nghĩa đen: “Đánh trống một hồi để dâng khí thế lên cao.”

Nghĩa bóng: “Làm việc gì phải làm liền một mạch khi khí thế còn cao.”

Cách dịch:

Đồng hóa thuần túy: “Làm liền một mạch” dễ hiểu, nhưng mất hình ảnh văn hóa “trống trận”, mất đi màu sắc văn hóa quân sự Trung Hoa.

Dị hóa thuần túy: “Đánh trống một hồi dồn khí thế” giàu văn hóa, nhưng hơi cứng.

Kết hợp: “Dồn sức làm một mạch, như tiếng trống hăng hái ban đầu.” giữ ý và giữ hình ảnh, đồng thời diễn đạt mượt mà theo ngôn ngữ Việt.

Thành ngữ “一落千丈” (yī luò qiān zhàng – Nhất lạc ngàn trượng) nghĩa là sa sút nghiêm trọng. Có thể dùng song song hai cách: Giữ nguyên hình thức (dị hóa) và thêm chú thích diễn giải (đồng hóa): Một lần rơi ngàn trượng.

Thành ngữ “一步登天” (yī bù dēng tiān – Nhất bước đăng thiên) nghĩa là thành công nhanh chóng, một bước thành công. Kết hợp hai cách dịch: Giữ hình ảnh “lên trời” (dị hóa) vì tương đương với “lên tiên”, “lên mây” trong Việt ngữ (đồng hóa tự nhiên): Một bước lên trời.

Việc kết hợp hai phương pháp giúp bản dịch vừa “đúng” vừa “đẹp”, đảm bảo cả ý nghĩa – văn hóa – thẩm mỹ, phù hợp với ngữ cảnh học thuật lẫn phổ thông.

3. KẾT LUẬN

Phương pháp đồng hóa đóng vai trò then chốt trong việc dịch thành ngữ tiếng Trung chứa “一” (yī) sang tiếng Việt. Thông qua các chiến lược linh hoạt như sử dụng thành ngữ tương đương, vận dụng hình ảnh, từ ngữ thuần Việt, diễn giải ý nghĩa và kết hợp âm Hán Việt với giải thích, phương pháp này giúp bản dịch trở nên tự nhiên, dễ hiểu và gần gũi với người tiếp nhận, từ đó đảm bảo hiệu quả giao tiếp và làm phong phú thêm tiếng Việt.

Tuy nhiên, việc áp dụng triệt để đồng hóa cũng có những hạn chế. Do đó, một phương pháp dịch thuật tối ưu không nên cứng nhắc theo một hướng duy nhất, mà cần có sự kết hợp hài hòa, linh hoạt giữa đồng hóa và dị hóa. Sự cân bằng này sẽ tạo ra những bản dịch vừa dễ tiếp cận, vừa trung thành với tinh thần và giá trị văn hóa của nguyên tác.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ từ nguồn kinh phí Khoa học Công nghệ của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 cho Đề tài Khoa học, mã số: HPU2.2024-CS.08

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Ngữ văn 7, tập một*, NXB. Giáo dục.
2. Trần Thị Thanh Liêm (2009), *Từ điển thành ngữ Hán Việt*, NXB. Lao động.
3. Hoàng Phê (2003), *Từ điển tiếng Việt*, NXB. Đà Nẵng.
4. Lawrence Venuti (2015), *The Invisibility of the translator: A history of translation*, NXB. Routledge.
5. *汉语现代词典* (2012), 北京: 中国社会科学院语言研究所词典编辑室编.
6. 强田田, (2022), *归化和异化视角下俄语成语汉译策略初探*. 语言与文化谈论.
7. Trần Thị Lam Thủy (2013), *Đặc điểm ngữ pháp và ngữ nghĩa của con số trong thành ngữ, tục ngữ ca dao Việt Nam*.

DOMESTICATION IN TRANSLATING CHINESE IDIOMS CONTAINING “一” (YĪ) INTO VIETNAMESE

Nguyen Thi Nga

Abstract: “一” (yī), meaning “one” or “number one” is widely used in the language and culture of China. Idioms containing “一” (yī) are not only linguistic expressions but also reflect human philosophy, emotions, and experiences. Translating Chinese idioms that include “一” (yī) into Vietnamese is a complex process, requiring the translator to flexibly apply both domestication and foreignization strategies in order to preserve the cultural nuances while ensuring the text remains accessible to readers. This task not only enriches the treasury of Vietnamese idioms but also promotes cultural exchange between the two nations.

Keywords: domestication, foreignization, idiom, Chinese translation

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 20-9-2025; ngày phản biện đánh giá: 08-10-2025;
ngày chấp nhận đăng: 29-10-2025)